

Về sự chênh lệch số liệu thống kê thương mại Việt - Trung

PHẠM BÍCH NGỌC

Trong mấy năm gần đây, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu đứng thứ ba và là nguồn nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam. Về thống kê, so sánh số liệu của Việt Nam với số liệu của Trung Quốc luôn có một sự chênh lệch khá lớn. Bài viết trình bày kết quả so sánh nguồn số liệu minh chứng nguồn gốc chênh lệch con số thống kê.

Từ khóa: chênh lệch số liệu thống kê, thống kê thương mại, thương mại Việt - Trung.

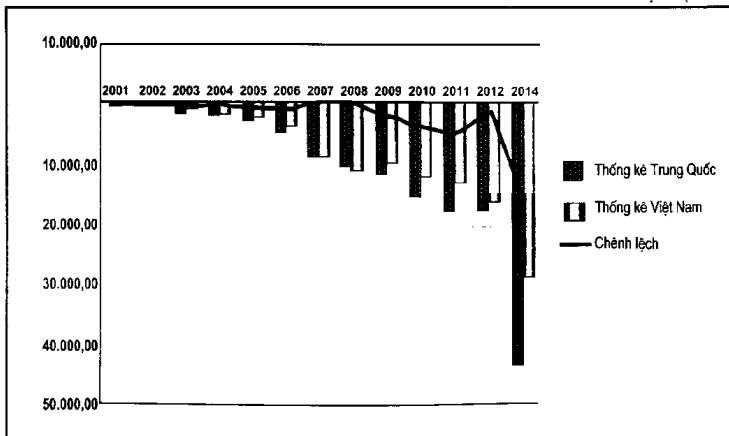
1. Hiện trạng chênh lệch số liệu thống kê thương mại Việt - Trung

So sánh số liệu do Tổng cục Thống kê Việt Nam và Tổng cục Thống kê Trung Quốc cho thấy luôn luôn có sự chênh lệch. Trong những năm 2001-2008, số chênh lệch thống kê giữa hai nước chỉ khoảng 300-500 triệu USD, trong khi quy mô thương mại đã tăng

từ 3 tỷ USD lên tới 20 tỷ USD. Từ năm 2009, con số chênh lệch tăng đột biến và có xu hướng quy mô thương mại càng lớn, thì con số chênh lệch càng tăng. Năm 2014, số chênh lệch thống kê thương mại giữa hai nước lên tới 14,837 tỷ USD. So với con số tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam, thì mức chênh lệch này tương đương với 42%.

HÌNH 1: Chênh lệch cán cân thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc giai đoạn 2001-2014

Đơn vị: triệu USD



Nguồn: Tổng cục thống kê Trung Quốc, Tổng cục Thống kê Việt Nam.

Số liệu thâm hụt thương mại của Việt Nam với Trung Quốc do Tổng cục Thống kê Việt Nam công bố thường nhỏ hơn số liệu của Tổng cục Thống kê Trung Quốc công bố rất nhiều. Ngoại trừ hai năm 2007-2008 số liệu

về thâm hụt thương mại của Việt Nam cao hơn của Trung Quốc, còn thì số liệu Việt Nam đều cho thấy mức độ thâm hụt thương mại của Việt Nam thấp hơn số liệu thống kê của Trung Quốc (bảng 1).

BẢNG 1: Báo cáo tình hình thương mại của Việt Nam với đối tác Trung Quốc từ hai nguồn Việt Nam và Trung Quốc giai đoạn 2001 - 2014

Đơn vị: Triệu USD

	Xuất khẩu của Việt Nam		Nhập khẩu của Việt Nam		Tổng xuất nhập khẩu của Việt Nam		Chênh số liệu (Việt Nam - Trung Quốc)		
	Theo Trung Quốc	Theo Việt Nam	Theo Trung Quốc	Theo Việt Nam	Theo Trung Quốc	Theo Việt Nam	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Tổng xuất nhập khẩu
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (2) - (1)	(8) = (4) - (3)	(9) = (6) - (5)
2001	1010,8	1417,4	1797,8	1606,2	2808,6	3023,6	406,6	-191,6	215
2002	1115,9	1518,3	2148,4	2158,8	3264,3	3677,1	402,4	10,4	412,8
2003	1456,7	1883,1	3182,7	3138,6	4639,4	5021,7	426,4	-44,1	382,3
2004	2482	2899,1	4260	4595,1	6742	7494,2	417,1	335,1	752,2
2005	2552,8	3228,1	5643,9	5899,7	8196,7	9127,8	675,3	255,8	931,1
2006	2486,1	3242,8	7463,3	7391,3	9949,4	10634,1	756,7	-72	684,7
2007	3226,3	3646,1	11891,3	12710	15117,6	16356,1	419,8	818,7	1238,5
2008	4336,3	4850,1	15122,1	15973,6	19458,4	20823,7	513,8	851,5	1365,3
2009	4747,5	5403	16297,7	15411,3	21045,2	20814,3	655,5	-886,4	-230,9
2010	6984,5	7742,9	23101,5	20203,6	30086	27946,5	758,4	-2897,9	-2139,5
2011	11117,7	11613,3	29090,4	24866,4	40208,1	36479,7	495,6	-4224	-3728,4
2012	16231,3	12388,2	34208,1	28785,9	50439,4	41174,1	-3843,1	-5422,2	-9265,3
2014	19900	14900	63700	43870	83600	58770	-5000	-19830	-24830

Nguồn: Tổng cục Thống kê Trung Quốc, Tổng cục Thống kê Việt Nam.

Số liệu xuất khẩu của Việt Nam có chênh lệch so với số liệu của Trung Quốc; cho đến trước năm 2012 thì lớn hơn số liệu thống kê của Trung Quốc; điều này cho thấy phía Việt Nam thống kê hàng hóa xuất khẩu đầy đủ hơn phía Trung Quốc ghi nhận hàng hóa nhập vào

nước họ. Song từ năm 2012 số liệu của Việt Nam lại bỗng nhiên nhỏ hơn số liệu của Trung Quốc và mức chênh rất lớn, trên 30% so với kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam.

Số liệu nhập khẩu của Việt Nam chênh không nhiều so với số liệu của Trung Quốc

trong thời gian năm 2009 trở về trước. Từ năm 2009, mức chênh lệch số liệu này lên tới trên 14% so với tổng kim ngạch nhập khẩu

do Việt Nam thống kê; năm 2014 số chênh lệch này tương đương 45% kim ngạch nhập khẩu (bảng 2).

BẢNG 2: Tỷ lệ giữa số liệu chênh lệch so với tổng kim ngạch (%)

	Số chênh lệch xuất khẩu của Việt Nam so với Trung Quốc / Tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc	Số chênh lệch nhập khẩu của Việt Nam so với Trung Quốc / Tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc	Số chênh lệch tổng xuất nhập khẩu của Việt Nam so với Trung Quốc / Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với Trung Quốc
	(7)/(2)*	(8)/(4)*	(9)/(6)*
2001	28,7	-11,9	7,1
2002	26,5	0,5	11,2
2003	22,6	-1,4	7,6
2004	14,4	7,3	10,0
2005	20,9	4,3	10,2
2006	23,3	-1,0	6,4
2007	11,5	6,4	7,6
2008	10,6	5,3	6,6
2009	12,1	-5,8	-1,1
2010	9,8	-14,3	-7,7
2011	4,3	-17,0	-10,2
2012	-31,0	-18,8	-22,5
2014	-33,6	-45,2	-42,2

Chú thích: * Tiếp tục tính toán theo các số liệu ở bảng 1.

Nguồn: Tổng cục Thống kê Trung Quốc, Tổng cục Thống kê Việt Nam.

Khi đi sâu vào so sánh số liệu xuất khẩu theo cơ cấu ngành hàng năm 2013, nhiều mặt hàng Việt Nam bán sang Trung Quốc có số liệu thống kê của Trung Quốc cao hơn số liệu thống kê của Việt Nam, đặc biệt trong các ngành như máy móc thiết bị (4,514 tỷ USD), quặng (420 triệu USD), trang thiết bị cơ khí (404 triệu USD)¹... Nhưng cũng có những mặt hàng xuất khẩu mà số liệu phía Việt Nam cao hơn của Trung Quốc như cao su và các sản phẩm của cao su (670 triệu USD); các sản phẩm xay xát, mạch nha và

tinh bột (506 triệu USD); cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật không xương sống (347 triệu USD)²... Những mặt hàng này chủ yếu là các sản phẩm thô hoặc mới qua sơ chế.

Đối với nhập khẩu hàng hóa từ Trung Quốc vào Việt Nam, số liệu của Trung Quốc cao hơn của Việt Nam chủ yếu ở nhóm ngành hàng may sẵn và đồ phụ trợ quần

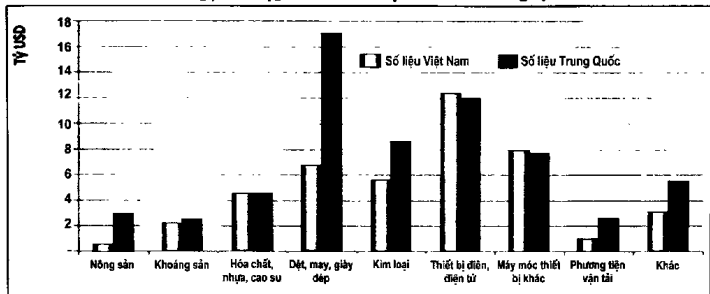
1. Comtrade, 2013.

2. Comtrade, 2013.

áo, dệt kim hoặc móc (4,559 tỷ USD); bông (1,566 tỷ USD); dụng cụ, máy móc quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh, đo lường, kiểm tra (1,045 tỷ USD); nhôm và các sản phẩm bằng

nhôm (875 triệu USD); hàng may sẵn và đồ phụ trợ quần áo, không thuộc hàng dệt kim hoặc móc (720 triệu USD); rau và một số loại củ (711 triệu USD)...

HÌNH 2: Kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc năm 2013



Nguồn: Thống kê thương mại Liên hợp quốc (Comtrade.un.org).

Đã có người đặt câu hỏi là liệu có hay không tình trạng Việt Nam gia công hàng may mặc chất lượng cao để xuất khẩu sang các nước giàu, nhưng nhập lậu hàng may mặc rẻ tiền từ Trung Quốc (vì loại hàng quần áo may sẵn giá rẻ tràn ngập thị trường Việt Nam và thường được nhập qua con đường buôn bán không qua cửa khẩu chính thức, có sự quản lý của hải quan)?

- Hàng nông sản có mức chênh giữa con số thống kê hai nước là 1,9 tỷ USD: Việt Nam thống kê nhập 500 triệu USD hàng nông sản từ Trung Quốc, trong khi Trung Quốc báo cáo đã xuất khẩu tới 2,4 tỷ USD. Đây là lý do đáng quan ngại nếu 1,9 tỷ USD hàng rau quả và thực phẩm chế biến nhập từ Trung Quốc vào Việt Nam, mà Việt Nam không kiểm soát được về mức độ an toàn thực phẩm, cũng như hiện tượng bán phá giá gây thiệt hại cho người sản xuất trong nước.

- Hàng kim loại và sản phẩm từ kim loại có mức chênh lệch 3 tỷ USD, chủ yếu là các dụng cụ làm từ kim loại như dụng cụ ăn uống và các sản phẩm hợp kim.

Đánh giá về tình hình có sự chênh lệch lớn về số liệu thống kê giữa Việt Nam và Trung Quốc, hiện nay có hai luồng ý kiến:

- Một số ý kiến cho rằng sự chênh lệch này phản ánh thực trạng một lượng lớn hàng hóa từ thiết bị cho sản xuất đến hàng tiêu dùng đã được “nhập lậu” và “xuất lậu” qua biên giới mà cơ quan quản lý của Việt Nam chưa quản lý được. Ngoài việc gây những khó khăn, thiệt hại to lớn cho kinh tế Việt Nam thì số lượng hàng nhập lậu khổng lồ này chắc chắn cũng gây áp lực lớn lên tỷ giá đồng tiền Việt Nam khi mà Việt Nam đang hết sức cố gắng giữ ổn định. Con số gần 15 tỷ USD hàng hóa Trung Quốc lọt vào lãnh thổ Việt Nam không qua ghi nhận của các cơ quan chức năng sẽ khiến năng lực cạnh của hàng hóa trong nước yếu đi, vì hàng hóa Trung Quốc không phải chịu thuế sẽ có cơ hội tung hoành, dễ dàng đánh bại hàng hóa trong nước với lợi thế giá rẻ.

- Các ý kiến khác cho rằng chưa thể khẳng định sự chênh lệch này là do hàng nhập lậu dù có sự chênh lệch khá lớn ở một

số mặt hàng như dệt may, hoa quả, hàng tiêu dùng... Lý do là có những mặt hàng được tính nguồn gốc xuất xứ như hàng tiêu dùng Trung Quốc nhập từ nước khác, sau đó mặt hàng này lại xuất vào Việt Nam và Việt Nam lại tính là xuất xứ từ nước khác. Bên cạnh đó còn luồng hàng không thuộc phạm vi thống kê.

Tuy vậy, bất chấp hai luồng ý kiến khác nhau, nếu sử dụng số liệu của Tổng cục Thống kê Trung Quốc để tính lại cán cân thương mại của Việt Nam thì Việt Nam vẫn trong tình trạng nhập siêu. Cán cân thương mại của Việt Nam chưa từng xuất siêu trong các năm từ 2012 - 2014 như đã công bố. Đặc biệt trong bối cảnh thực hiện các FTA sắp tới, có vẻ như sức cạnh tranh của hàng hóa và cán cân thương mại của Việt Nam lại càng mong manh hơn trước đối tác Trung Quốc láng giềng.

2. Nguyên nhân

2.1. Sự khác nhau trong phương pháp thống kê và cách tính toán

Thứ nhất, luôn tồn tại thực trạng chênh lệch số liệu thống kê về xuất nhập khẩu giữa các nước với nhau và kim ngạch giữa hai quốc gia càng lớn thì chênh lệch càng nhiều. Ngoài Trung Quốc, nhiều nước khác cũng có số liệu thương mại song phương với Việt Nam đều chênh lệch so với số liệu thống kê của Việt Nam. Cùng tính năm 2014, có thể thấy:

- Số liệu xuất khẩu Nhật Bản thống kê là 14,180 tỷ USD, Việt Nam thống kê là 14,693 tỷ USD, cao hơn 513 triệu USD.

- Hàn Quốc thống kê Việt Nam xuất khẩu 7,990 tỷ USD, còn Việt Nam thống kê chỉ có 7,144 tỷ USD, chênh lệch 847 triệu USD.

- Xingapo thống kê Việt Nam xuất sang họ 3,200 tỷ USD, trong khi đó Việt Nam thống kê Việt Nam xuất chỉ có 2,900 tỷ USD, chênh lệch 260 triệu USD. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu với Xingapo Việt Nam thống kê là 9,8 tỷ USD, nhưng Xingapo

lại thống kê là 16,1 tỷ USD, chênh nhau gần gấp đôi.

- Với Nga, năm 2014 Việt Nam thống kê kim ngạch xuất nhập khẩu là 3,5 tỷ USD, còn Nga thống kê 4,3 tỷ USD.

- Với Bồ Đào Nha thì Thủ tướng nước này đưa ra con số 340 triệu USD và Việt Nam đưa ra con số 268 triệu USD, chênh nhau gần 30%³.

Tổng cục Thống kê cho biết, phương pháp, số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê Việt Nam đã được cập nhật theo phiên bản 2010 của Liên hợp quốc. Theo Tổng cục Thống kê, số liệu của Trung Quốc không chỉ chênh lệch với thống kê của Việt Nam mà cũng chênh lệch lớn với 5 đối tác ASEAN và các nước đang phát triển khác.

Thứ hai, do cách thống kê của các nước khác nhau, thế giới quy định: xuất khẩu theo giá FOB, nhập khẩu theo giá CIF nhưng mỗi nước lại áp dụng một cách khác nhau. Theo Tổng cục Thống kê Việt Nam thì giá CIF (cộng thêm chi phí bảo hiểm và vận chuyển) vào khoảng 6,6% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu. Với hai nước láng giềng có chung biên giới rất dài như Việt Nam và Trung Quốc thì chi phí vận chuyển và bảo hiểm thực tế không thể lớn hơn tỷ lệ 6,6% này được.

Thứ ba, phương pháp tính xuất xứ hàng hóa. Thế giới tính xuất khẩu là theo nước cuối cùng, nhập khẩu tính theo giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (Certificate of Origin, viết tắt là C/O). Điều này cho thấy sự phức tạp trong tính toán số liệu xuất nhập khẩu. Trung Quốc bán hàng cho Việt Nam, gồm cả hàng hóa do Trung Quốc sản xuất và hàng hóa mua từ nước khác để bán sang Việt Nam. Khi vào Việt Nam, phía Việt Nam ghi nhận hàng có C/O Made in China là nhập từ Trung Quốc, còn hàng có xuất xứ từ nước khác Trung Quốc thì lại

3. <http://vneconomy.vn/thoi-su/bo-truong-vinh-noi-gi-ve-ao-giap-dang-rach-20150608090936815.htm>

ghi nhận là của nước khác, không phải nhập từ Trung Quốc. Về xuất khẩu, hàng hóa lắp ráp gia công tại Việt Nam (như máy móc thiết bị, điện thoại, điện tử, linh kiện), một phần lớn giá trị là phụ kiện do Trung Quốc sản xuất, được nhập về Việt Nam lắp ráp, sau đó lại xuất sang Trung Quốc. Vậy là Việt Nam không phải nước sản xuất phần lớn giá trị hàng hóa, nhưng lại tính toàn bộ giá trị đó cho Việt Nam vì xuất xứ hàng hóa.

Thứ tư, hàng tạm nhập tái xuất, quá cảnh, chuyển khẩu thì thống kê Việt Nam không ghi nhận trong cân đối thương mại, mà chỉ do hải quan quản lý. Có không ít trường hợp phía Việt Nam nhận thực hiện hợp đồng tạm nhập tái xuất từ Trung Quốc cho nước thứ 3 nhưng khi chủ hàng biến mất, phía Trung Quốc ghi xuất nhưng phía Việt Nam không thể ghi nhập do chưa thông quan mà chỉ ghi nhận như tài sản ngoài bảng.

Thứ năm, Trung Quốc không tính giá trị về xuất, nhập khẩu qua đường tiểu ngạch. Mặc dù phía Việt Nam vẫn làm thủ tục đầy đủ cho hàng hóa buôn bán qua đường tiểu ngạch, thu thuế đầy đủ, nhưng phía Trung Quốc không tính con số đó trong thống kê thương mại quốc gia; vì vậy đây cũng là nguồn gốc của sự chênh lệch đáng kể trong con số thống kê hai nước. Ví dụ: năm 2014, Việt Nam xuất khẩu nông sản (chủ yếu là gạo) trị giá 2,14 tỷ USD sang Trung Quốc bằng cả con đường chính ngạch và tiểu ngạch, nhưng phía Trung Quốc chỉ ghi nhận 0,71 tỷ USD hàng hóa nhập từ Việt Nam theo đường chính ngạch.

2.2. Xuất khẩu các mặt hàng cũm, đặc biệt là tài nguyên khoáng sản

Tại sao lại có xuất khẩu lậu trong khi chúng ta hết sức khuyến khích xuất khẩu, hầu hết mặt hàng xuất khẩu chịu thuế suất xuất khẩu bằng 0 và nhà xuất khẩu được hoàn thuế giá trị gia tăng? Lời giải thích là: đó là các mặt hàng mà Việt Nam cấm xuất

khẩu hoặc xuất khẩu phải chịu thuế. Đó là những mặt hàng tài nguyên khoáng sản như quặng, than, xăng dầu. Năm 2013, nhập khẩu quặng từ Trung Quốc vào Việt Nam, số liệu của Việt Nam cao hơn của Trung Quốc là 72 triệu USD. Đối với quặng của Việt Nam xuất sang Trung Quốc, số liệu của Trung Quốc cao hơn của Việt Nam 420 triệu USD. Như vậy phần thiệt thòi trong chênh lệch lại nghiêng về phía Việt Nam với 348 triệu USD. Điều này cho thấy tình trạng xuất lậu khoáng sản là có và khối lượng đáng kể. Hiện tượng buôn bán lậu khoáng sản, đặc biệt là than ở các tỉnh vùng Đông Bắc giáp giới với Trung Quốc, đã được nêu lên từ khá lâu, nhưng chưa xử lý triệt để⁴.

2.3. Quản lý nhà nước về xuất nhập khẩu

Con số chênh lệch lớn trong thống kê thương mại giữa Trung Quốc và Việt Nam có một nguyên nhân vô cùng quan trọng, đó là Trung Quốc quản lý nhà nước về xuất nhập khẩu chặt chẽ hơn Việt Nam.

Về xuất khẩu, Trung Quốc kiểm soát nghiêm ngặt ngay từ khâu sản xuất. Có

4. Theo con số cập nhật của Tổng cục Hải quan, trong chưa đầy 2 tháng đầu năm 2015 (tính đến ngày 15-2) cả nước đã nhập khẩu 383.473 tấn than đá, tổng trị giá hơn 46,6 triệu USD. Nguồn than nhập khẩu của Việt Nam đến cả từ Trung Quốc - quốc gia mà từ nhiều năm qua luôn là thị trường nhập khẩu than lớn từ Việt Nam. Từ lâu, vùng biển Đông Bắc vẫn luôn nóng về vấn đề xuất lậu than và có căn cứ cho rằng than xuất lậu sang Trung Quốc. Phải chăng các nguồn than chính ngạch và nguồn than không rõ nguồn gốc từ quốc gia này đang quay trở lại theo đường chính ngạch để cung cấp cho Việt Nam? Nếu quả đúng như vậy thì chúng ta đang phải nhập lại những gì đã bán nhưng ở mức giá cao hơn. Đơn cử như trong 9 tháng đầu năm 2014, cả nước đã nhập khẩu hơn 356.000 tấn than đá từ Trung Quốc, với tổng giá trị kim ngạch hơn 92,5 triệu USD. Trong khi đó, tính từ đầu năm đến 15-2-2015, cũng với sản lượng than xuất khẩu 321.512 tấn nhưng Việt Nam chỉ thu về được hơn 34,7 triệu USD - chỉ bằng 37,5% số tiền mà chúng ta phải bỏ ra để nhập lượng than gần như xấp xỉ từ Trung Quốc. (Nguồn: Giải minh với nhập khẩu than, Báo Hải quan điện tử, ngày 8-3-2015).

những mặt hàng không được bán trong nước, buộc phải xuất khẩu. Ở khâu tiêu thụ, Trung Quốc kiểm soát chặt kinh doanh biên mậu. Ở khu vực thương mại biên giới Trung Quốc - Việt Nam, Trung Quốc quy định rõ chỉ có 3 loại chủ thể doanh nghiệp được quyền tham gia hoạt động thương mại tại vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, đó là:

- Các doanh nghiệp được quyền trực tiếp kinh doanh xuất nhập khẩu biên giới. Các doanh nghiệp này phải có vốn đăng ký không dưới 500.000 NDT (nhân dân tệ).

- Các doanh nghiệp được thực hiện xuất nhập khẩu ủy thác qua biên giới (các doanh nghiệp này phải được sự phê chuẩn của cơ quan chủ quản cho phép làm thủ tục đại lý ủy thác dài hạn, được quyền kinh doanh xuất nhập khẩu và phải trả 1 khoản phí đại lý nhất định).

- Các doanh nghiệp không được quyền kinh doanh xuất nhập khẩu, mà phải thông qua ủy thác (các doanh nghiệp này phải ký hợp đồng đại lý biên mậu ủy thác cho 2 nhóm doanh nghiệp nói trên và phải trả một khoản phí ủy thác).

Trung Quốc kiểm soát hàng hóa xuất khẩu thông qua việc kiểm soát 3 loại chủ thể kinh doanh này.

Về nhập khẩu, Trung Quốc sẽ dựa vào C/O để thu thuế. Ai được cấp C/O sẽ được kinh doanh. Nếu chưa được cấp C/O mà vẫn kinh doanh sẽ chịu thuế phạt rất nặng. Ví dụ như gạo, nếu không được cấp C/O sẽ chịu phạt 180%. Các doanh nghiệp luôn phải đăng ký để được hưởng quyền ưu đãi. Còn Nhà nước Trung Quốc luôn có những biện pháp quản lý để phạt các doanh nghiệp vi phạm. Bằng cách như vậy, Trung Quốc kiểm soát chặt hơn Việt Nam về số liệu và chất lượng hàng xuất khẩu. Tất cả những điều này Việt Nam hoàn toàn chưa làm được hoặc làm chưa tốt.

2.4. Gian lận thương mại qua giá

Các doanh nghiệp sử dụng biện pháp gian lận thương mại qua giá (lậu giá) nhằm

hường chênh lệch giá trị nhập khẩu. Đơn vị xuất khẩu của Trung Quốc khai giá xuất khẩu cao ở đầu Trung Quốc nhưng do một "thủ thuật" nào đó đơn vị nhập khẩu ở Việt Nam kê khai giá nhập khẩu thấp nhằm lách hàng rào thuế quan. Đặc biệt là các sản phẩm chịu thuế nhập khẩu hoặc thuế tiêu thụ đặc biệt cao. Ví dụ cùng một lượng hàng, ở Trung Quốc khai 100 USD, nhưng ở Việt Nam chỉ khai 20 USD, như vậy là một lượng lớn hàng hóa đã "né thuế" thành công. Có thể nói, năm 2014 là năm sản xuất của Việt Nam có chuyển biến tích cực nên lượng nguyên liệu đầu vào, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất lớn, kéo theo cơ hội để làm giảm giá trị càng lớn. Muốn giải quyết được điều này cần có những đánh giá khách quan về khai báo hải quan và cũng cần có sự vào cuộc của các cơ quan chức năng Hải quan, Biên phòng.

2.5. Quản lý thị trường

Hiện tại lực lượng quản lý thị trường nếu không tính Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, bình quân các tỉnh chỉ có khoảng 50 người. Tại nhiều tỉnh, có khi 2-3 huyện chỉ có một cán bộ quản lý thị trường⁵. Trình độ cán bộ quản lý thị trường cũng thiếu sự đồng đều. Về chế độ chính sách, lực lượng làm việc vất vả, phức tạp, nhiều vụ việc kéo dài, song chế độ đãi ngộ, phụ cấp không đáng kể. Trong khi đó hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, hàng kém chất lượng lại ngày càng nhiều, phức tạp và tinh vi. Điều này dẫn đến rất nhiều cảm dỗ. Một bộ phận không nhỏ cán bộ quản lý thị trường vi phạm đạo đức nghề nghiệp, thiếu năng lực, thiếu trách nhiệm. Một số quy định của pháp luật chưa rõ ràng, còn nhiều bất cập. Công tác phối hợp, trao đổi thông tin giữa các đơn vị chưa cao. Đó cũng là những kẽ hở góp phần tạo ra con số chênh lệch ngày càng lớn.

5. <http://vnexpress.net/tin-tuc/thoi-su/bo-truong-cong-thuong-muon-tang-1-000-can-bo-quan-ly-thi-truong-2936372.html>

Nhìn tổng thể, nguyên nhân sâu xa chính là do trình độ phát triển kinh tế của Việt Nam còn chênh lệch so với Trung Quốc. Là "công xưởng của thế giới", Trung Quốc có nhu cầu lớn về các loại nguyên, nhiên vật liệu thô hoặc hàng qua sơ chế của Việt Nam. Hàng hóa của Việt Nam sản xuất và xuất sang Trung Quốc qua đường tiểu ngạch chủ yếu là hàng hóa chất lượng thấp, không thể xuất qua đường chính ngạch, làm cho thương mại biên giới Việt - Trung càng phát triển phức tạp, khó kiểm soát. Hơn nữa, khi ngành công nghiệp chế biến chủ yếu là gia công, nguyên vật liệu đầu vào gần như phải nhập khẩu hoàn toàn, việc thoát lệ thuộc vào nguồn hàng từ Trung Quốc rất khó khăn, vì Trung Quốc nằm ngay cạnh Việt Nam và sản xuất ra mọi loại hàng hóa mà Việt Nam có nhu cầu mua. Đặc biệt, khi tham gia các hiệp định thương mại tự do, Việt Nam sẽ không có lợi thế bằng Trung Quốc hoặc những nước xuất nguyên vật liệu đầu vào. Hiện tượng "rửa" C/O sẽ có nhiều cơ hội phát triển, chẳng hạn như hàng hóa Trung Quốc vào Việt Nam thông qua nhập khẩu từ doanh nghiệp FDI của Trung Quốc, sau một thời gian sơ chế hàng hóa này có xuất xứ ở Việt Nam và xuất khẩu sang nước thứ 3. Trong trường hợp đó, phía Việt Nam sẽ không được lợi gì.

3. Giải pháp xử lý

3.1. Hoàn thiện phương pháp thống kê và cách tính toán

Việt Nam cần hoàn thiện hơn nữa công tác theo dõi, thống kê, báo cáo. Cần nhanh chóng nhất thể hóa hệ thống thống kê quốc tế. Số liệu thống kê của các nước khác nhau là hiện tượng không thể tránh khỏi, nhưng không thể có sự chênh lệch quá lớn như số liệu giữa Việt Nam và Trung Quốc hiện nay. Việt Nam cần hoàn thiện công tác thống kê, đặc biệt trong phương pháp định giá (không nên đưa con số không tương như chi phí vận chuyển và bảo hiểm trong giá CIF vào khoảng 6,6% tổng kim ngạch xuất

nhập khẩu trong khi Việt Nam và Trung Quốc có chung biên giới rất dài).

3.2. Hoàn thiện công tác quản lý nhà nước, tăng cường quản lý hải quan để tránh buôn lậu và gian lận thương mại

Đối với những mặt hàng cấm xuất khẩu hoặc xuất khẩu phải chịu thuế cao cần có sự quản lý chặt chẽ. Có thể học tập Trung Quốc trong việc quản lý xuất nhập khẩu từ bước sản xuất đến việc kinh doanh tiêu thụ. Việt Nam tuy có nhiều chính sách quản lý thương mại biên giới nhưng các chính sách lại rất chung chung hoặc quá chồng chéo, không cụ thể nên rất khó kiểm soát và quản lý.

Công tác đấu tranh chống buôn lậu và gian lận thương mại là rất khó khăn, cần nhiều công sức, thời gian. Quản lý chặt tiểu ngạch bằng cách xử lý nghiêm hàng hóa không rõ xuất xứ, hàng hóa gian lận thương mại, hàng kém chất lượng, hàng giả ngay từ cửa khẩu. Những mặt hàng không đảm bảo chất lượng hoặc gây nguy hại đến môi trường, sức khỏe người tiêu dùng phải kiên quyết tiêu hủy hoặc buộc tái xuất.

Lập hàng rào kỹ thuật hoặc đưa lên "danh sách đen" những mặt hàng cấm nhập, nếu vi phạm có thể đưa mức phạt cao như của Trung Quốc (phạt 200%-300% giá trị hàng vi phạm)... Khai thác lợi thế hàng xuất khẩu của Việt Nam, xác định rõ trọng điểm xuất khẩu Việt Nam, khai thác các thị trường tiềm năng để đẩy mạnh xuất khẩu ra thị trường thế giới.

Kết hợp chặt chẽ các chương trình xúc tiến thương mại của quốc gia, các ngành, địa phương và doanh nghiệp. Hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu vốn, cơ sở hạ tầng, kho bãi

3.3. Cần có hàng rào thuế quan và hàng rào kỹ thuật hiệu quả hơn

Doanh nghiệp trong nước hiện đang gần như chiến đấu đơn độc, mức thuế suất thuế nhập khẩu chỉ là bảo hộ danh nghĩa. Phải

tính toán mức thuế suất bảo hộ danh nghĩa làm sao để đưa nền sản xuất được lợi nhất.

Theo Hiệp định Khu vực thương mại tự do ASEAN – Trung Quốc (ACFTA), các mặt hàng có xuất xứ từ Trung Quốc sẽ được hưởng mức thuế suất ưu đãi giảm dần đến năm 2020. Đến năm 2018, mức thuế suất cam kết cuối cùng giảm rất mạnh, xuống còn 2,32%. Tuy nhiên nếu xét theo bình quân với giá trị nhập khẩu năm 2005 làm trọng số, mức thuế suất cam kết cuối cùng ở mức 4,34%, cao gần gấp 2 lần so với mức thuế suất bình quân thông thường không có trọng số. Ngành nông nghiệp Việt Nam sẽ chịu sự cạnh tranh gay gắt từ hàng nông sản Trung Quốc nhập khẩu do thuế suất theo ACFTA năm 2018 sẽ là 0,97% thấp hơn nhiều so với mức thuế suất MFN 2005 là 16,06% (khi không có trọng số). Tiếp đó sẽ là ngành công nghiệp chế tạo và ngành khai khoáng và khí đốt. Vì vậy, bên cạnh công cụ thuế, cần tăng cường sử dụng công cụ hàng rào kỹ thuật một cách chủ động và hiệu quả nhằm hỗ trợ người sản xuất trong nước.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu hiện nay, các hàng rào thuế quan sẽ ngày càng giảm và hàng rào kỹ thuật sẽ được các nước dựng lên ngày càng nhiều để bảo hộ thương mại trong nước. Do vậy, để hạn chế rủi ro trong hoạt động xuất khẩu hàng hóa, các doanh nghiệp có hàng hóa xuất khẩu cần phải quan tâm tìm hiểu thông tin về hàng rào kỹ thuật của các thị trường xuất khẩu để có biện pháp vượt qua.

Lâu nay, hầu hết các thương nhân Việt Nam có chung quan niệm rằng Trung Quốc là thị trường dễ tính, nhưng trên thực tế nhu cầu tiêu dùng tại Trung Quốc đã và đang thay đổi (nhất là khu vực thành thị), đặc biệt là sau khi gia nhập WTO. Họ đang chuyển sang tiêu dùng các sản phẩm chất lượng cao, sạch; hàng rào kiểm dịch của họ ngày càng chặt chẽ hơn... Doanh nghiệp Việt Nam cần bắt kịp sự thay đổi này để điều chỉnh.

3.4. Tăng cường tái cấu trúc nền kinh tế

Nếu muốn thoát lệ thuộc thương mại quốc tế vào nước ngoài thì phải tự thay đổi chính mình, phải vượt lên chính mình. Việt Nam cần tăng cường tái cơ cấu theo hướng hiện đại: nâng cao chất lượng tăng trưởng, nâng cao năng lực sản xuất nội địa, nâng cao chất lượng hàng hóa là yêu cầu cấp thiết đối với sản xuất của Việt Nam. Trong bối cảnh quan hệ kinh tế Việt Nam – Trung Quốc căng thẳng, nếu trong ngắn hạn, có thể ảnh hưởng lớn đến kinh tế Việt Nam. Nhưng trong dài hạn, đó lại là cơ hội để Việt Nam thúc đẩy việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu theo hướng hiện đại.

Muốn làm được như vậy, *thứ nhất*, Chính phủ cần có chính sách điều chỉnh cơ cấu hàng xuất nhập khẩu phù hợp theo hướng hạn chế nhập khẩu, chú trọng đẩy mạnh xuất khẩu. Muốn hạn chế nhập khẩu tốt, Chính phủ cần có lộ trình cụ thể, lựa chọn hàng hóa theo giá cả, chất lượng hay quan hệ chính trị. Chính phủ cần có quy hoạch cụ thể những mặt hàng ưu tiên nhập khẩu, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn về hàng nhập khẩu (tiêu chuẩn chất lượng, môi trường, vệ sinh an toàn...).

Thứ hai, giảm phụ thuộc vào việc nhập nguyên vật liệu sản xuất, cần đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài ở các lĩnh vực như công nghiệp phụ trợ. Phát triển ngành công nghiệp phụ trợ là một trong những chính sách ưu tiên hàng đầu của Chính phủ Việt Nam và được kỳ vọng sẽ làm thay đổi bộ mặt của ngành công nghiệp Việt Nam.

Thứ ba, xây dựng khu công nghiệp mang tính chất chuỗi liên hoàn, các khu kinh tế đặc biệt trở thành mũi nhọn trong nền kinh tế Việt Nam. Việt Nam cần xác định một số ngành mũi nhọn có tác dụng lan toả, kích thích sự phát triển của nền kinh tế, hạn chế được việc nhập khẩu và ít ảnh hưởng đến môi trường nhất.

Thứ tư, muốn nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa, điều quan trọng và tiên quyết là cần đẩy mạnh việc nhập khẩu và nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ vào các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Đưa ra các chính sách khích lệ doanh nghiệp nhập khẩu công nghệ nguồn, công nghệ tiên tiến vào Việt Nam. Việc ký kết thành công Hiệp định TPP cũng sẽ giúp thúc đẩy đầu tư cải thiện công nghệ, thu hút công nghệ nguồn từ các nước có nền kinh tế hàng đầu thế giới như Mỹ, Ôxtrâyliã.... Ngoài ra, Việt Nam cũng cần tạo điều kiện để các doanh nghiệp có đủ năng lực ứng dụng công nghệ mới thúc đẩy tăng tốc chuyển giao công nghệ vào các ngành, lĩnh vực bằng cách thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ, phát triển doanh nghiệp khoa học - công nghệ để tăng nguồn cung sản phẩm công nghệ mới cho thị trường. Cần nâng cao chính sách quy hoạch vùng sản xuất chất lượng, nâng cao quá trình sản xuất những hàng hóa chất lượng.

Thứ năm, việc ký kết các Hiệp định Thương mại tự do (FTAs) đặc biệt là Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương TPP, Hiệp định Thương mại Việt Nam - EU (EVFTA) sẽ thúc đẩy xuất khẩu sang khu vực đã ký kết FTA, mang lợi ích cho doanh nghiệp và nền kinh tế, đặc biệt là trong hạn chế sự phụ thuộc quá lớn vào thương mại với Trung Quốc. Trong quá trình đàm phán, Việt Nam cần có phương án đàm phán mềm dẻo nhưng kiên quyết về lợi ích xuất khẩu của doanh nghiệp, bao gồm các vấn đề về ưu đãi thuế quan, quy tắc xuất xứ phù hợp với cơ cấu, phương thức sản xuất, các hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT), vệ sinh dịch tễ (SPS) hợp lý, khoa học và không bị lạm dụng..., trong đó đặc biệt chú trọng đàm phán các cơ chế tiếp cận thị trường cho nông sản, nhằm đa dạng hóa thị trường đối với sản phẩm nhạy cảm

và hiện đang phụ thuộc rất lớn vào thị trường Trung Quốc. Việt Nam cũng cần có những phương án đàm phán tích cực hơn, mạnh dạn hơn trong việc mở cửa thị trường Việt Nam cho hàng hóa là máy móc, thiết bị, công nghệ, nguyên vật liệu, phương tiện và các sản phẩm khác mà Việt Nam đã bảo hộ lâu nay nhưng không hiệu quả hoặc hiện đang phụ thuộc vào nguồn cung từ Trung Quốc.

Thứ sáu, đa dạng hóa quan hệ với các đối tác, tăng cường quan hệ với các nước Nhật Bản, Ấn Độ, Nga... để mở rộng thị trường xuất khẩu và có thêm nhiều khả năng lựa chọn đối tác nhập khẩu thay thế cho Trung Quốc. Ví dụ, về thị trường dệt may, Ấn Độ có thể là đối tác tiềm năng thay thế cho Trung Quốc.

Thứ bảy, thống nhất thông tin, tăng cường công tác truyền thông, tạo sự đồng thuận trong dân, đồng thời có sự chỉ đạo kịp thời, nhất quán trong từng trường hợp cụ thể./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Bích Ngọc (2005), Chính sách thương mại Việt Nam - Trung Quốc ở khu vực kinh tế cửa khẩu, Tạp chí Khu công nghiệp Việt Nam, Bộ Kế hoạch và đầu tư, số 174 (210) tháng 3.
2. Phạm Bích Ngọc (2003), Quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc: những rủi ro phát triển, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, số 10 (437), tháng 10.
3. Hồ Trung Thanh (2011), Nhập siêu của Việt Nam với Trung Quốc: thực trạng và giải pháp, Tạp chí Quản lý nhà nước số 180 (1-2011).
4. Nguyễn Đình Liêm (2012), Quan hệ thương mại Việt - Trung và vấn đề nhập siêu của Việt Nam từ Trung Quốc, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc số 10 (134).
5. Hoàng Sỹ Động (2011), Bàn về hợp tác kinh tế thương mại Việt Nam - Trung Quốc, Tạp chí Quản lý kinh tế, số 43 (tháng 9+10).